

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
TP. Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 16-11-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hoan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bạt Hào - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ.

Ngày 16/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, Tp Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TC

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ree, số 9 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, TP H

Người đại diện theo pháp luật ông Lô B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm H – Chức vụ: Trưởng nhóm tổ tụng – phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ Công ty tài chính TNHH MTV TC (Theo văn bản ủy quyền số 80 ngày 13/6/2018)

Bà H ủy quyền cho ông Lê N tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền số 3731 ngày 31/7/2018). Ông N có mặt

- Bị đơn: bà Trần TT, sinh năm: 19768

Trú tại: tổ 48 , phường H, quận N, TP. Đ – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2018, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê N trình bày:

Vào ngày 23/9/2015, bà Trần TT có ký hợp đồng tín dụng số 20121009-500000-0086 với Công ty TC vay số tiền 42.200.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân.

Theo hợp đồng bà T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 68.722.000đ, trả chậm liên tiếp trong hạn 36 tháng, 35 tháng đầu trả mỗi tháng 1.909.000đ, tháng cuối cùng 1.907.000đ, bà Thu bắt đầu trả từ ngày 12/11/2015.

Thực hiện hợp đồng bà T đã trả cho Công ty TC 14 lần với tổng số tiền 28.768.840đ. Kể từ ngày 25/7/2017 đến nay bà T không trả khoản nào cho Công ty TC, dù đã nhiều lần nhắc nhở.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay Công ty TC yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần TT trả số tiền nợ gốc 28.768.840đ, tiền lãi là 11.294.160đ. Tổng cộng là 40.063.000đ.

Công ty TC thống nhất không tính thêm lãi tiếp theo đối với số nợ nói trên, sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Trần TT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì sẽ áp dụng mức lãi suất theo quy định nhà nước.

- Bị đơn bà Trần TT trình bày: Ngày 23/9/2015, bà có ký hợp đồng tín dụng số 20121009-500000-0086 với Công ty TC vay số tiền 42.200.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng bà có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 68.722.000đ, trả chậm liên tiếp trong hạn 36 tháng, 35 tháng đầu trả mỗi tháng 1.909.000đ, tháng cuối cùng 1.907.000đ, bà bắt đầu trả từ ngày 12/11/2015. Thực hiện hợp đồng bà đã trả cho Công ty TC 14 lần với tổng số tiền 28.768.840đ. Kể từ ngày 25/7/2017 đến nay bà không trả cho Công ty TC.

Nay Công ty TC yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc 28.768.840đ, tiền lãi là 11.294.160đ. Tổng cộng là 40.063.000đ. Nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin Công ty TC giảm tiền lãi và cho bà trả hàng tháng mỗi tháng trả 1.909.000đ cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Căn cứ quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 23/9/2015, bà Trần TT có ký hợp đồng tín dụng số 20121009-500000-0086 với Công ty TC vay số tiền 42.200.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Đây là quan hệ dân sự về hợp đồng tín dụng được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời trình bày của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Theo hợp đồng bà T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 68.722.000đ, trả chậm liên tiếp trong hạn 36 tháng, 35 tháng đầu trả mỗi tháng 1.909.000đ, tháng cuối cùng 1.907.000đ, ông T bắt đầu trả từ ngày 12/11/2015.

Thực hiện hợp đồng bà T đã trả cho Công ty TC 14 lần với tổng số tiền 28.768.840đ. Kể từ ngày 25/7/2017 đến nay bà T không trả khoản nào cho Công ty, dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần TT thừa nhận hiện nay bà còn nợ Công ty TC số tiền nợ gốc 28.768.840đ, tiền lãi là 11.294.160đ. Nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin Ngân hàng giảm tiền lãi và cho bà trả hàng tháng mỗi tháng 1.909.000đ cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày 12/9/2018 đến nay đã hơn 02 tháng mặc dù đã bị khởi kiện tại Tòa án nhưng bà T vẫn không trả thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản nợ nào. Điều đó thể hiện bà T đã không có thiện chí trả nợ và việc xin được giảm số tiền lãi và mỗi tháng 1.909.000đ cho đến khi thanh toán xong số nợ trên là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên không được HĐXX chấp nhận.

Trên cơ sở hồ tài liệu chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và trình bày của bị đơn, HĐXX xét thấy đủ cơ sở để áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự tuyên buộc bà Trần TT phải có nghĩa vụ trả Công ty TC một lần số tiền **40.063.000đ** (Trong đó nợ gốc 28.768.840đ, tiền lãi là 11.294.160đ) là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty TC thống nhất không tính lãi tiếp theo đối với số nợ trên. Sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì sẽ áp dụng mức lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy đây là sự tự nguyện về việc tính lãi của nguyên đơn nên HĐXX nghi nhận.

[3] Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TC đối với Trần TT được HĐXX chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $40.063.000đ \times 5\% = 2.003.150đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TC đối với bà Trần TT.

Tuyên xử:

[1] Buộc bà Trần TT phải trả cho Công ty TC số tiền **40.063.000đ** (bốn mươi triệu, không trăm sáu mươi ba ngàn đồng); Trong đó nợ gốc 8.768.840đ, tiền lãi là 11.294.160đ.

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] **Án phí dân sự sơ thẩm:** bà Trần TT phải chịu 2.003.150đ (hai triệu không trăm lẻ ba ngàn một trăm năm mươi đồng).

[4] Công ty TC được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ theo biên lai thu số 0001808 ngày 06 tháng 9 năm 2018 của cơ quan thi hành án dân sự quận N, TP Đ.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND QNH Sơn
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Hoan